TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2022
V/v Ly hôn giữa chị H và anh D .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hạnh, ông Vũ Đình Phúc.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh ngày: 05/7/1998.

Bị đơn: Anh Phạm Tiến D – Sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Xóm 10, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt anh D , chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Tiến D vào ngày 23/10/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại anh chị đang sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D .

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Phạm Như Y , sinh ngày 02/10/2015, Phạm Thị Yến N , sinh ngày 27/10/2017 và Phạm Minh A, sinh ngày 18/01/2021. Chị đề nghị được nuôi cháu Anh, để anh D nuôi cháu Y và cháu N , không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, bị đơn anh Phạm Tiến D trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh D trình bày phù hợp với lời khai của chị H. Sau khi kết hôn anh và chị H sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H có quan hệ ngoại tình với người khác, xuất phát từ việc chênh lệch tuổi tác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị H đã bỏ nhà đi rất nhiều lần, gia đình anh và gia đình chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi. Mặc dù vậy, anh vẫn chấp nhận bỏ qua mọi lỗi lầm của chị H. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn chị H, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để nuôi dạy con cái

Về con chung: Anh D xác nhận anh chị có 03 con chung như chị H đã trình bày. Anh đề nghị được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị H có đơn xin vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Anh Phạm Tiến D xác định không còn tình cảm với chị H, đồng ý ly hôn chị H. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh D giữ nguyên quan điểm như đã nêu trên.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin giải quyết vắng mặt, đề nghị không tiến hành hòa giải của chị Hạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn" do nguyên đơn chị Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Tiến D có HKTT tại xã Y, huyện Y, tỉnh N nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn theo quy định tại các Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Tiến D được xác lập vào ngày 23/10/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh

Nlà hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến nay đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc chênh lệch tuổi tác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hiện tại anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh D , anh D cũng đồng ý. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh D , chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H xử cho chị H, anh D ly hôn là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H, anh D có 03 con chung là Phạm Như Y , sinh ngày 02/10/2015, Phạm Thị Yến N , sinh ngày 27/10/2017 và Phạm Minh A, sinh ngày 18/01/2021. Chị H đề nghị được nuôi cháu Anh, để anh D nuôi cháu Y và cháu N , không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D đề nghị được nuôi cả ba con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ cũng là quyền lợi của cha mẹ, việc các bên đương sự tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn cũng là xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con cái, nhưng giao cho ai là người trực tiếp nuôi dạy con chung thì phải xem xét đến quyền lợi và đảm bảo cuộc sống của trẻ, để trẻ phát triển tốt nhất về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành công dân có ích cho xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Anh còn nhỏ tuổi rất cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ, bản thân chị H cũng có nguyện vọng nuôi cháu Anh, để anh D nuôi cháu Yến, cháu N. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Anh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Yến, cháu N cho anh D nuôi dưỡng, chị H, anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị H, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Tiến D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh A, sinh ngày 18/01/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Phạm Như Y , sinh ngày 02/10/2015, Phạm Thị Yến N , sinh ngày 27/10/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị H phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003703, ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Anh Phạm Tiến D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND xã Y : 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.